

Thái Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.4 mục 1 phần II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn: Ngân hàng n

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiến Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc H, chức vụ: Giám đốc

Đơn vị công tác: Ngân hàng n – Chi nhánh t

(Theo giấy uỷ quyền số 2965/QĐ-NHN₀-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc)

Người được uỷ quyền lại: Ông Phan Hậu T, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng n - chi nhánh T

(Theo giấy uỷ quyền số 360/QĐ-NHN₀TNA-TH ngày 07/5/2020 của giám đốc Agribank – Chi nhánh tây Nghệ An).

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1976.

Chị Trần Thị S, sinh năm: 1986.

Đều trú tại: Khối Q, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2.1. Anh Phan Văn T và chị Trần Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi là tính đến hết ngày 22/6/2020 với tổng số tiền là 291.673.972đ (hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng) , trong đó nợ gốc là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 20.786.301đ (hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng), nợ lãi quá hạn 887.671đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 3611LAV201802974 ngày 11/12/2018.

2.2. Kể từ ngày 01/7/2020 anh Phan Văn T, chị Trần Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi anh T, chị S thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng n thì lãi suất mà anh T, chị S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N

2.3. Trong trường hợp anh Phan Văn T, chị Trần Thị S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 06, diện tích sử dụng 235,0m², quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ273764 ngày 09/12/2013 cho anh Phan Văn T và chị Trần Thị S thuộc khối Q, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp số 273764/2018/HĐTC ngày 11/12/2018 giữa chị Trần Thị S, anh Phan Văn T và Ngân hàng n– Chi nhánh T.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Phan Văn T, chị Trần Thị S phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng n đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà còn thừa thì Ngân hàng n phải trả lại cho anh T, chị S.

Trường hợp anh T, chị S trả hết nợ trên thì Ngân hàng N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 273764 cho anh Phan Văn T, chị Trần Thị S

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Phan Văn T, chị Trần Thị S thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), đã chi phí hết.

2.5. Về án phí: Anh Phan Văn T và chị Trần Thị S thỏa thuận chịu toàn bộ án phí KDTM ST với số tiền là 7.291.849đ (bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn , tám trăm bốn mươi chín đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 7.097.258đ (Bảy triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001379 ngày 07/5/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Diên